

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SCT-VP

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

V/v công khai mức thu phí, lệ phí
tại Trung tâm Phục vụ Hành chính
công tỉnh

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số 159/VP-TTPVHCC ngày 26/4/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc công khai mức thu phí, lệ phí; Sở Công Thương thống kê mức thu các loại phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh như sau:

(Theo phụ lục gửi kèm)

Sở Công Thương trân trọng gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- hcc@bacgiang.gov.vn;
- bichgt_sct;
- CVP;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tấn

BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH
(Kèm theo Công văn số /SCT-VP ngày tháng 4 năm 2021 của Sở Công Thương)

TT	Tên thủ tục hành chính	Loại và mức thu		Văn bản ban hành mức thu	
		Phí (đồng/hồ sơ)	Lệ phí (đồng/hồ sơ)	Phí	Lệ phí
1	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	800.000/ 1 lĩnh vực; 1,120.000/2 lĩnh vực		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	400.000/lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	

3	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	2.100.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
4	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	1.050.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
5	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	700.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
6	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	350.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động	

				điện lực	
7	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	800.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	400.000/ lần thẩm định		Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	
9	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Theo định mức		Phí do cơ quan, đơn vị quản lý của người đề nghị cấp thẻ chi trả theo quy định về tài chính kế toán (khoản 6 Điều 10 Thông tư 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội	

				dung về an toàn điện)	
10	Huấn luyện và cấp mới thẻ An toàn điện	Theo định mức		Phí do cơ quan, đơn vị quản lý của người đề nghị cấp thẻ chi trả theo quy định về tài chính kế toán (<i>khoản 6 Điều 10 Thông tư 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện</i>)	
11	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ An toàn điện	Theo định mức		Phí do cơ quan, đơn vị quản lý của người đề nghị cấp thẻ chi trả theo quy định về tài chính kế toán (<i>khoản 6 Điều 10 Thông tư 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện</i>)	
12	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng	Theo mức (Tổng mức đầu tư được phê duyệt x mức thu)		Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 11/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	
13	Thẩm định thiết kế cơ sở	Theo mức (Tổng mức đầu tư được phê duyệt x 50% mức thu)		Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 11/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ	

				thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	
14	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình (công trình điện)	Theo mức (Chi phí xây dựng x mức thu)		Điều 4 Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 11/10/2016 của Bộ Tài chính	
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.200.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018	
16	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	600.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018	
17	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	600.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018	
18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.200.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018	
19	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công	600.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày	

	ngiệp			25/01/2018	
20	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	600.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí trong hoạt động hóa chất kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018	
21	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng. - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng. - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng. 		Điều 3, Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016	
22	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	- Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp		Điều 3, Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016	

		<p>dụng mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng theo quy định cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (theo mức trên).</p> <p>- Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép có thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu bằng mức thu tương ứng cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (mức thu trên).</p>			
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	<p>- Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ/1 lần/cơ sở;</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000đ/1 lần/cơ sở.</p>		Điều 1, Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 của Bộ Tài Chính	

24	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt bằng kinh doanh và khi giấy chứng nhận hết hiệu lực.	<p>- Cơ sở sản xuất: 2.500.000</p> <p>- Cơ sở kinh doanh: 1.000.000</p>		Điều 1, Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 của Bộ Tài Chính	
25	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
26	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
27	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	

		bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên			
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
30	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thăm định:		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày	

		1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		26/10/2016	
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	

35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	

		bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên			
39	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
40	Cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
41	Cấp sửa đổi, bổ sung cấp phép nguyên liệu thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016	
42	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định:		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày	

		1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		26/10/2016	
43	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây nguyên liệu thuốc lá	2.200.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
44	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây nguyên liệu thuốc lá	2.200.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
45	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây nguyên liệu thuốc lá	2.200.000/ lần thẩm định		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
46	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

		bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên			
48	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
49	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
50	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
51	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định:		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ	

		1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		trưởng Bộ Tài chính	
52	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
53	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
54	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

55	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
57	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
58	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

		bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên			
59	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
60	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định:		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ	

		1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		trưởng Bộ Tài chính	
63	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
64	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
65	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

66	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
67	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
69	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Đối với TP: Doanh nghiệp, tổ chức: Phí thâm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài TP mức thu		Điều 4, Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

		bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên			
70	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (dưới 3 triệu lít/năm)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
71	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
72	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ		Biểu thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	
73	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		Lệ phí: 3.000.000đ/1 giấy phép		Điều 4, Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2019
74	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		Lệ phí: 1.500.000đ/1 giấy phép		Điều 4, Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2019
75	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		Lệ phí: 1.500.000đ/1 giấy phép		Điều 4, Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2019
76	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		Lệ phí: 1.500.000đ/1 giấy phép		Điều 4, Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2019